

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HS-ST
Ngày 09 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sĩ Mạnh

Bà Khúc Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43 /2020/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh K (tên gọi khác: Nguyễn Minh T1), sinh ngày 10/6/1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn N, xã N1, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc K1 và bà Nguyễn Thị T2; có vợ là Hoàng Thị L1 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không, bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2020; có mặt.

2. Phan Bá H, sinh ngày 02/3/1994 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Xóm 4, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Bá M và bà Nguyễn Thị M1; có vợ là Hoàng Thị T3 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2020; có mặt.

3. Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/7/1995 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn H, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S1 và bà Đặng Thị D4; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2020; có mặt.

4. Lê Văn D1, sinh ngày 28/8/1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã T1, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N1 và bà Nguyễn Thị T4; có vợ là Nguyễn Thị H3 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2020; có mặt.

5. Nguyễn Tiến D2, sinh ngày 22/3/1995 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P2 và bà Hàng Thị T5; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2020; có mặt.

6. Lê Xuân P, sinh ngày 20/02/1997 tại Nghệ An. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân G1 và bà Trần Thị T6; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2020; có mặt.

7. Nguyễn Văn T, sinh ngày 26/8/1995 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã T1, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L2 và bà Bùi Thị N2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2020; có mặt.

8. Lương Hoài M, sinh ngày 02/10/1995 tại Quảng Ninh. Nơi cư trú: Số 56 H, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Đ và bà Nguyễn Kim T7; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2020; có mặt.

Người làm chứng: Nguyễn Xuân K2, Nguyễn Thị T8; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 16 giờ ngày 24/3/2020 Công an huyện K kết hợp với Công an xã N1 bắt quả tang tại nhà bà Nguyễn Thị T8 ở thôn N, xã N1, huyện K có 08 đối tượng gồm: Nguyễn Minh K (là con trai bà T8), Phan Bá H, Lê Văn D1, Nguyễn Tiến D2, Nguyễn Văn T, Lương Hoài M, Lê Xuân P và Nguyễn Văn D đang đánh bạc trái phép hình thức “ba cây” được thua bằng tiền. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.400.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài.

Quá trình điều tra, Nguyễn Minh K, Phan Bá H, Lê Văn D1, Nguyễn Tiến D2, Nguyễn Văn T, Lương Hoài M, Lê Xuân P, Nguyễn Văn D đều khai nhận: Do tất cả cùng làm việc tại Công ty L ở khu công nghiệp TD, huyện A, thành phố Hải

Phòng, trưa ngày 24/3/2020 K mời cả nhóm về nhà K chơi và ăn uống. Sau khi ăn uống xong, H và M đi ngủ tại nhà của K, các đối tượng còn lại ngồi chơi đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì rủ nhau đánh bạc, hình thức đánh “ba cây” được thua bằng tiền. K lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở nhà để cả nhóm đánh bạc. Cả nhóm quy ước cách thức đánh bạc như sau: Bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài sẽ được bỏ ra 16 quân bài gồm các quân bài từ quân 10 đến quân K, chỉ sử dụng các quân bài từ quân A (tương đương 1) đến quân 9 để đánh bạc. Số tiền đặt cược thấp nhất là 20.000 đồng, cao nhất là 50.000 đồng. Mỗi ván bài, người cầm cái chia cho mỗi người chơi 03 quân bài, người chơi sẽ cộng điểm lại với nhau rồi so sánh điểm với người cầm cái; người chơi nào có điểm lớn hơn điểm của người cầm cái thì là T, được người cầm cái trả số tiền bằng số tiền mà người chơi đã đặt cược và ngược lại. Người chơi nào được 10 điểm sẽ là người cầm cái chia cho mọi người đánh bạc các ván tiếp theo. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H, M ngủ dậy và cùng tham gia đánh bạc với cả nhóm. Khi đánh bạc, mỗi người ngồi một cửa để đặt tiền đánh bạc, riêng M và T chung tiền ở một cửa. Trong lúc đánh bạc, không ai canh gác, cảnh giới, thu tiền hồ, không ai cho vay, mượn tiền hoặc tài sản khác để đánh bạc. Cả nhóm đánh bạc đến 16 giờ cùng ngày thì bị Công an phát hiện, thu giữ vật chứng như trên. Trong đó số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc, cụ thể: H sử dụng 1.500.000 đồng, T 400.000 đồng; K sử dụng 1.000.000 đồng, thua 300.000 đồng; D sử dụng 700.000 đồng, không T, không thua; D2 sử dụng 600.000 đồng, thua 450.000 đồng; D1 sử dụng 600.000 đồng, T 400.000 đồng; P sử dụng 500.000 đồng, T 200.000 đồng; T sử dụng 460.000 đồng, thua 210.000 đồng; M sử dụng 40.000 đồng, bị thua hết. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 5.400.000 đồng. Toàn bộ số tiền đánh bạc, thắng bạc các đối tượng đều để trên chiếu bạc đã bị Công an thu giữ. Gia đình bà T8, ngoài K, chỉ có bà T8 ở nhà, nhưng trước, trong khi đánh bạc, cả nhóm không ai thông báo cho bà T8 biết về việc cả nhóm đánh bạc tại nhà bà.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ số tiền 5.400.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên và đồng ý với kết luận của Viện kiểm sát nhân D1 huyện K đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc”. Ngoài ra các bị cáo khai: Sau khi hết giờ làm việc buổi sáng ngày 24/3/2020; K mời các bị cáo về nhà K ăn cơm, xong trong khi ngồi chơi uống nước, các bị cáo cùng rủ nhau sang khu vực lán cạnh nhà ở của K để đánh bạc, thống nhất hình thức, quy ước đánh bạc như trên, không biết ai là người đề xuất, các bị cáo không bàn bạc từ trước. Trước, trong khi đánh bạc, các bị cáo không hỏi ý kiến bà T8 và cũng không thông báo cho bà T8 biết về việc các bị cáo đánh bạc. Hiện nay các bị cáo đều có mức thu nhập trung bình mỗi tháng từ

5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo phạm tội lần đầu, được hưởng sự khoan hồng của pháp luật với mức hình phạt thấp nhất.

Người làm chứng Nguyễn Thị T8 khai: Bà là mẹ đẻ của bị cáo K, sáng ngày 24/3/2020 bà ở nhà một mình, buổi trưa thấy bị cáo và các bạn đồng nghiệp cùng công ty của bị cáo về nhà bà chơi, ăn uống xong, tất cả sang khu vực lán của gia đình bà uống nước, bà dọn dẹp ở khu vực nhà dưới, không biết các bị cáo đánh bạc và cũng không có bị cáo nào hỏi ý kiến bà cho mượn địa điểm đánh bạc. Sau đó bà thấy Công an vào làm việc thì bà mới biết các bị cáo đã đánh bạc tại gia đình bà, địa điểm các bị cáo đánh bạc thuộc quyền sử dụng, sở hữu của vợ chồng bà, nhưng vợ chồng và con bị cáo cùng cư trú, sử dụng tài sản với bà. Bà không hưởng lợi gì từ việc các bị cáo đánh bạc tại gia đình bà.

Người làm chứng Nguyễn Xuân K2 khai: Ông là Bí thư Chi bộ thôn N, xã N1, buổi chiều ngày 24/3/2020 ông được Công an mời ông đến nhà bà T8 chứng kiến sự việc bắt quả tang nhóm K đánh bạc. Ngoài ra ông trình bày, bị cáo K là Đảng viên đang sinh hoạt tại Chi bộ do ông là Bí thư. Trong thời gian sinh hoạt Đảng tại Chi bộ, bị cáo là đảng viên có phẩm chất, đạo đức rất tốt. Quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo và gia đình bị cáo luôn chấp hành đúng đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, không vi phạm gì, chưa khi nào thấy bị cáo và gia đình bị cáo có biểu hiện gì liên quan đến việc đánh bạc hoặc tổ chức đánh bạc. Lần phạm tội này của bị cáo cũng xuất phát từ việc vui chơi cùng bạn bè đồng nghiệp. Vì vậy, với tư cách là Bí thư Chi bộ của thôn, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo K được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, với mức hình phạt nhẹ nhất.

Bản cáo trạng số 39/CT-VKSKT, ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Nguyễn Minh K, Phan Bá H, Nguyễn Văn D, Lê Văn D1, Nguyễn Tiến D2, Lê Xuân P, Nguyễn Văn T, Lương Hoài M về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như trên. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng;

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Bá H từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng;

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Văn D1, Nguyễn Tiến D2, mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Lê Xuân P, Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ mỗi bị cáo từ 05% đến 10% thu nhập trong thời gian chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Hoài M từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.400.000 đồng do các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc đánh bạc.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất, được cải tạo ngoài xã hội, các bị cáo hứa sẽ không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu được và nội dung bản cáo trạng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 14 giờ 30 phút đến 16 giờ ngày 24/3/2020, tại thôn N, xã N1, huyện K; Nguyễn Minh K cùng Lê Xuân P, Lương Hoài M, Nguyễn Tiến D2,

Nguyễn Văn T, Lê Văn D1, Phan Bá H, Nguyễn Văn D đánh bạc trái phép, hình thức đánh “ba cây” được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 5.400.000 đồng. Như vậy các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân; đồng thời là nguyên nhân, điều kiện phát sinh các loại tội phạm khác. Cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo: Các bị cáo đều thống nhất rủ nhau đánh bạc nhưng bị cáo K sử dụng nơi ở của mình, trực tiếp lấy bộ bài là công cụ phạm tội và tham gia đánh bạc, nên K có vai trò đầu vụ; bị cáo H sử dụng số tiền đánh bạc lớn nhất, nên cũng được xem xét tương ứng với vai trò của bị cáo K. Do đó các bị cáo K, H phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác; các bị cáo D, D1, D2, P sử dụng số tiền đánh bạc gần như nhau, nên áp dụng hình phạt ngang nhau; bị cáo T, bị cáo M sử dụng số tiền đánh bạc thấp nhất, nên áp dụng hình phạt nhẹ nhất đối với hai bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[5] Nhân thân các bị cáo: Chưa có tiền án, tiền sự

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo K có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhì và được tặng giấy khen, kỷ niệm chương về công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng; gia đình bị cáo có đơn xin bảo lãnh được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó bị cáo K được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Sau khi xem xét tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn; các bị cáo đều có nhân thân tốt, có công việc ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo K có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù giam, chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo

Nguyễn Minh K, Phan Bá H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 3; Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết 02/2018 ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Văn D1, Nguyễn Tiến D2, Lê Xuân P và khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian cải tạo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Lương Hoài M cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Minh K, Phan Bá H có mức thu nhập trung bình từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng; căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo K, H như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Văn D1, Nguyễn Tiến D2, Lê Xuân P đã khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo; còn lại các bị cáo Nguyễn Văn T, Lương Hoài M đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ số tiền 5.400.000 đồng và bộ bài tú lơ khơ, gồm 52 quân bài (đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện K quản lý). Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số vật chứng trên các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc; theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu số tiền 5.400.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ, gồm 52 quân bài là đúng pháp luật.

[11] Trong vụ án này, bà Nguyễn Thị T8 không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà ở của mình nên không bị xử lý là đúng pháp luật.

[12] Về án phí: Các bị cáo không thuộc hộ nghèo, cận nghèo của địa phương nên phải chịu án hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K (tên gọi khác Nguyễn Minh T): 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Bá H: 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 18 tháng tính

từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Minh K (tên gọi khác: Nguyễn Minh T) cho Ủy ban nhân dân xã N1, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phan Bá H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D: 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Văn D tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D1: 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Lê Văn D1 tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Lê Văn D1 cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D2: 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Tiến D2 tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Nguyễn Tiến D2 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân P: 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Lê Xuân P tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Lê

Xuân P cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn D với thời gian 12 tháng, mỗi tháng bị cáo bị khấu trừ 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Lê Văn D1 với thời gian 12 tháng, mỗi tháng bị cáo bị khấu trừ 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Nguyễn Tiến D2 với thời gian 12 tháng, mỗi tháng bị cáo bị khấu trừ 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Lê Xuân P với thời gian 12 tháng, mỗi tháng bị cáo bị khấu trừ 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc” để nộp vào ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lương Hoài M: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc” để nộp vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.400.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 0002793 ngày 17/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K), tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài (chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K ngày 17/8/2020).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K ;
- Chi cục THA dân sự + Sở tư pháp;
- PC 10, PV 06;
- UBND xã N1, huyện K;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã T1, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng;
- UBND xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu